UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2804 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 28 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Tuyến đường liên xã Hoài Tân từ Quốc lộ 1 đến xã Hoài Xuân huyện Hoài Nhơn (nay là phường Hoài Tân, Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 339/TTr-STC ngày 21/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Công trình: Tuyến đường liên xã Hoài Tân từ Quốc lộ 1 đến xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn (nay là phường Hoài Tân, Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn);
- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán: Ủy ban Nhân dân tỉnh.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn)
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2022.
- Thời gian thực hiện, hoàn thành: 14/10/2020 - 31/12/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán
Tổng cộng chi phí		**14.698.862.000**	**13.805.713.000**
I	**Chi phí xây dựng**	**12.483.158.000**	**12.466.710.000**
II	**Chi phí bồi thường GPMB**	**310.355.000**	**0**
III	**Chi phí quản lý dự án**	**351.442.000**	**349.964.000**
IV	**Tư vấn đầu tư xây dựng công trình**	**1.045.602.000**	**876.932.000**
1	Chi phí khảo sát địa hình	135.995.000	131.915.000
2	Chi phí lập BC KTKT	304.524.011	229.208.000
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC	22.392.850	16.763.000
4	Chi phí thẩm tra dự toán	21.865.552	16.332.000
5	Chi phí lập HSMT, HSYC	8.892.117	7.751.000
6	Chi phí đánh giá HSDT	8.892.117	7.751.000
7	Chi phí giám sát thi công xây lắp	421.731.472	393.430.000
8	Chi phí khảo sát địa hình	10.792.890	10.486.000
9	Chi phí khảo sát địa chất	55.253.299	53.596.000
10	Chi phí cắm cọc GPMB	10.000.000	9.700.000
11	Chi phí thiết kế BVTC	45.262.490	0
IV	**Chi phí khác**	**508.305.000**	**112.107.000**
1	Phí thẩm định BC KTKT	2.328.402	1.163.000
2	Phí thẩm định HSMT, HSYC	5.369.935	5.370.000
3	Chi phí thẩm định KQ LCNT	5.369.935	5.369.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	91.881.013	76.411.000
5	Chi phí bảo hiểm công trình	24.530.240	23.794.000
6	CP cho HĐ TVGQKN của nhà thầu về KQ LCNT	1.616.748	
7	Chi phí hạng mục chung	328.950.501	
8	Thuế tài nguyên	20.291.194	
9	Phí BV môi trường	13.014.760	
10	Chi phí nghiệm thu công trình	11.505.000	
11	Chi phí thẩm định thiết kế -BVTC	1.718.430	
12	Chi phí thẩm định dự toán	1.671.133	
V	**Chi phí dự phòng**	**0**	

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng cộng	**14.698.862**	**13.805.713**	**10.724.000**	**3.081.713**	**0**
Vốn đầu tư công NST			4.724.000		
Vốn đầu tư công NS TXHN			6.000.000		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	**13.805.713**	**13.805.713**		
Tài sản dài hạn (tài sản cố định).	13.805.713	13.805.713		

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

b. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	**13.805.713.000**	
1) Vốn đã thanh toán	**10.724.000.000**	
- Đã bố trí : Vốn đầu tư công NST	4.724.000.000	
- Vốn đầu tư công NSTX HN	6.000.000.000	
2) Vốn còn thanh toán tiếp:	**3.081.713.000**	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (15/5//2023) là:

Tổng nợ phải trả : 3.081.713.000 đồng, bao gồm:

- Chi phí xây lắp : 2.925.206.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 44.400.000 đồng;
- Chi phí khác : 112.107.000 đồng;
  + Phí thẩm định BC KTKT : 1.163.000 đồng;

+ Phí thẩm định HSMT,HSYC : 5.370.000 đồng;
+ CP thẩm định KQ LCNT : 5.369.000 đồng;
+ CP thẩm tra phê duyệt QT : 76.411.000 đồng;
+ Cp bảo hiểm công trình : 23.794.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Ủy ban Nhân dân thị xã Hoài Nhơn	13.805.713.000	

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng